

Số: *3439* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *30* tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh  
Thái Nguyên giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 1240/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030; số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 phê duyệt quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 12/2017/TT-BXD ngày 30/11/2017 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí liên quan đến đầu tư phát triển đô thị; số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;



Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên: số 4109/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến 2035; số 1869/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4316/TTr-SXD ngày 27/12/2024 (kèm theo Báo cáo thẩm định số 4305/BC-SXD ngày 27/12/2024 của Sở Xây dựng).

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với nội dung chính như sau:

**1. Tên chương trình:** Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

#### **2. Mục tiêu**

- Đánh giá thực trạng đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng đô thị trên địa bàn các đô thị của tỉnh Thái Nguyên.

- Cụ thể hóa định hướng Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được phê duyệt.

- Là cơ sở pháp lý cho các cơ quan, ban, ngành, địa phương của tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển đô thị và nông thôn, kết cấu hạ tầng đảm bảo liên kết, thống nhất với quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành.

- Là cơ sở để xác định bổ sung các đô thị mới, lập quy hoạch xây dựng đô thị, lập đề án và đánh giá nâng loại đô thị, lập kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị, xây dựng kế hoạch huy động vốn đầu tư phát triển đô thị và cơ sở để sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Xác định lộ trình, phương hướng để đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa, phát triển đô thị theo mạng lưới. Đẩy mạnh việc phát triển các hành lang đô thị theo định hướng tại Quy hoạch tỉnh, gắn kết với mục tiêu phát triển các đô thị hạt nhân, tạo động lực lan tỏa mô hình phát triển đô thị xanh - thông minh - bền vững với toàn bộ các đô thị trong tỉnh.

- Xác định các nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, đề án, dự án nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển đô thị của từng giai đoạn theo quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **3. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu**

- Phạm vi nghiên cứu: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Đối tượng nghiên cứu: Các khu vực đô thị cấp tỉnh, các đô thị trung tâm huyện lỵ và các đô thị thuộc huyện, đô thị mới; các khu vực ngoại thị, nội thị của thành phố thuộc tỉnh và đô thị mới dự kiến thành lập thị xã.

#### 4. Nội dung điều chỉnh chủ yếu của Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

##### 4.1. Điều chỉnh một số chỉ tiêu phát triển đô thị

\* Tỷ lệ đô thị hóa:

Giai đoạn	Đã phê duyệt tại Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh	Nay điều chỉnh
Đến 2025	40,5%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt trên 45% (là tỷ lệ phần trăm giữa tổng dân số khu vực nội thị của các đô thị so với tổng dân số toàn tỉnh).</li> <li>- Đạt trên 55% (là tỷ lệ phần trăm giữa dân số thực tế thường trú ở các đơn vị hành chính được công nhận loại đô thị so với tổng dân số, tính theo chỉ tiêu số 0115 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ).</li> </ul>
Đến 2030	45%	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt trên 60% (là tỷ lệ phần trăm giữa tổng dân số khu vực nội thị của các đô thị so với tổng dân số toàn tỉnh).</li> <li>- Đạt trên 70% (là tỷ lệ phần trăm giữa dân số thực tế thường trú ở các đơn vị hành chính được công nhận loại đô thị so với tổng dân số, tính theo chỉ tiêu số 0115 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ).</li> </ul>

\* Đất xây dựng đô thị:

Dự báo đất xây dựng đô thị đến năm 2030 đạt khoảng 12.000 ha.

\* Các chỉ tiêu khác giai đoạn đến năm 2030 sau điều chỉnh:

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 16-26%.
- Diện tích cây xanh bình quân trên đầu người dân đô thị đạt khoảng 8-10 m<sup>2</sup>.
- Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt tối thiểu 32 m<sup>2</sup>.
- Đến năm 2030, phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang, phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang: đối với đô thị loại V từ 70% trở lên, đô thị từ loại IV trở lên đạt 95%.

- Kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GDP của tỉnh khoảng 85%.



- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch tại các đô thị đạt 100%. Tiêu chuẩn cấp nước cho đô thị từ loại IV trở lên đạt 120 lít/người/ngày đêm, đô thị loại V đạt 100 lít/người/ngày đêm.

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 95% diện tích lưu vực thoát nước trong các đô thị và 30% lượng nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt 95% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị; đạt 100% chất thải rắn khu công nghiệp, chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Đất cây xanh toàn đô thị, đối với đô thị loại III trở lên đạt tối thiểu từ 9 m<sup>2</sup>/người trở lên; đô thị loại IV, V đạt từ 8 m<sup>2</sup>/người trở lên.

#### 4.2. Điều chỉnh số lượng đô thị

Giai đoạn	Đã phê duyệt tại Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh	Nay điều chỉnh
Đến 2025	19 đô thị	15 đô thị
Đến 2030	15 đô thị	15 đô thị

- Đến năm 2025: Toàn tỉnh có 15 đô thị, trong đó:

+ 01 đô thị loại I: Thành phố Thái Nguyên.

+ 02 đô thị loại II là thành phố Sông Công và thành phố Phổ Yên.

+ 02 đô thị loại IV bao gồm: (1) thị trấn Hùng Sơn - huyện Đại Từ, (2) thị trấn Chợ Chu - huyện Định Hóa.

+ 10 đô thị loại V bao gồm: (1) thị trấn Trại Cau, (2) thị trấn Sông Cầu, (3) thị trấn Hóa Thượng - huyện Đồng Hỷ; (4) thị trấn Quân Chu - huyện Đại Từ; (5) thị trấn Đình Cả, (6) đô thị mới La Hiên - huyện Võ Nhai; (7) thị trấn Giang Tiên, (8) thị trấn Đu - huyện Phú Lương; (9) thị trấn Hương Sơn, (10) đô thị Diềm Thụy - huyện Phú Bình.

- Đến năm 2030: Toàn tỉnh có 15 đô thị, trong đó:

+ 01 đô thị loại I là thành phố Thái Nguyên.

+ 02 đô thị loại II là thành phố Sông Công và thành phố Phổ Yên.

+ 05 đô thị loại IV bao gồm: (1) thị xã Đại Từ, (2) thị xã Phú Bình; (3) thị trấn Hóa Thượng - huyện Đồng Hỷ; (4) thị trấn Đu - huyện Phú Lương; (5) thị trấn Chợ Chu - huyện Định Hóa.

+ 07 đô thị loại V bao gồm: (1) thị trấn Trại Cau; (2) thị trấn Sông Cầu; (3) đô thị mới Quang Sơn - huyện Đồng Hỷ; (4) thị trấn Đình Cả, (5) thị trấn La Hiên (thành lập mới đơn vị hành chính thị trấn) - huyện Võ Nhai; (6) thị trấn Giang Tiên - huyện Phú Lương; (7) đô thị Bình Yên - huyện Định Hóa (đô thị mới và tiến tới thành lập đơn vị hành chính thị trấn).



### 4.3. Điều chỉnh kế hoạch phân loại đô thị

Điều chỉnh kế hoạch phân loại đối với một số đô thị để phù hợp với kết quả đánh giá hiện trạng phát triển đô thị và phù hợp với lộ trình hình thành các đô thị mới được định hướng tại Quy hoạch tỉnh, gồm:

- Không thực hiện thủ tục đánh giá, phân loại đô thị loại IV đối với thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình do hiện nay đang triển khai các công việc để thực hiện đánh giá, phân loại đô thị loại IV cho đô thị Phú Bình (gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Phú Bình), làm tiền đề để thực hiện thành lập thị xã Phú Bình vào giai đoạn đến năm 2030.

- Không thực hiện thủ tục đánh giá đô thị mới đối với 02 đô thị Cù Vân và Yên Lãng, huyện Đại Từ do hiện nay đang triển khai các công việc để thực hiện đánh giá, phân loại đô thị loại IV cho đô thị Đại Từ (gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Đại Từ), làm tiền đề để thực hiện thành lập thị xã Đại Từ vào giai đoạn đến năm 2030.

- Lùi thời gian thực hiện công nhận đô thị loại IV đối với thị trấn Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ và thị trấn Đu, huyện Phú Lương, từ giai đoạn đến năm 2025 lùi về giai đoạn đến năm 2030.

- Lùi thời gian thực hiện công nhận đô thị loại IV với thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai về giai đoạn sau năm 2030.

- Điều chỉnh định hướng thành lập đô thị mới Trung Hội thành đô thị mới Bình Yên, huyện Định Hóa.

*Bảng danh mục và lộ trình nâng loại đô thị tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030*

TT	Danh mục	Hiện trạng năm 2024		Giai đoạn 2024 - 2025		Giai đoạn 2026 - 2030	
		Tổng số đô thị	Loại đô thị	Tổng số đô thị	Loại đô thị	Tổng số đô thị	Loại đô thị
	<b>Tổng số</b>	<b>14</b>		<b>15</b>		<b>15</b>	
<b>1</b>	<b>Thành phố Thái Nguyên</b>	<b>1</b>	<b>I</b>	<b>1</b>	<b>I</b>	<b>1</b>	<b>I</b>
<b>2</b>	<b>Thành phố Sông Công</b>	<b>1</b>	<b>II</b>	<b>1</b>	<b>II</b>	<b>1</b>	<b>II</b>
<b>3</b>	<b>Thành phố Phổ Yên</b>	<b>1</b>	<b>III</b>	<b>1</b>	<b>II</b>	<b>1</b>	<b>II</b>
<b>4</b>	<b>Huyện Đại Từ</b>	<b>2</b>	<b>-</b>	<b>2</b>	<b>-</b>	<b>1</b>	<b>IV</b>
4.1	Thị trấn Hùng Sơn	1	IV	1	IV	1	Thành lập thị xã Đại Từ
4.2	Yên Lãng	Không đánh giá đô thị mới					
4.3	Cù Vân	Không đánh giá đô thị mới					
4.4	Thị trấn Quân Chu	1	V	1	V		
<b>5</b>	<b>Huyện Phú Bình</b>	<b>2</b>		<b>2</b>		<b>1</b>	<b>IV</b>
5.1	Thị trấn Hương Sơn	1	V	1	V	1	Thành lập thị xã Phú Bình
5.2	Đô thị Diềm Thụy (xã Diềm Thụy)	1	V	1	V		
<b>6</b>	<b>Huyện Đồng Hỷ</b>	<b>3</b>		<b>3</b>		<b>4</b>	
6.1	Thị trấn Trại Cau	1	V	1	V	1	V
6.2	Thị trấn Sông Cầu	1	V	1	V	1	V
6.3	Thị trấn Hóa Thượng	1	V	1	V	1	IV

TT	Danh mục	Hiện trạng năm 2024		Giai đoạn 2024 - 2025		Giai đoạn 2026 - 2030	
		Tổng số đô thị	Loại đô thị	Tổng số đô thị	Loại đô thị	Tổng số đô thị	Loại đô thị
6.4	Đô thị Quang Sơn (xã Quang Sơn)	-	-	-	-	1	V (ĐTM)
7	<b>Huyện Phú Lương</b>	2		2		2	
7.1	Thị trấn Đu	1	V	1	V	1	IV
7.2	Thị trấn Giang Tiên	1	V	1	V	1	V
8	<b>Huyện Võ Nhai</b>	1		2		2	
8.1	Thị trấn Đình Cả	1	V	1	V	1	V
8.2	Đô thị La Hiên (xã La Hiên)	-	-	1	V (ĐTM)	1	V
9	<b>Huyện Định Hóa</b>	1		1		2	
9.1	Thị trấn Chợ Chu	1	V		IV (MR)		IV
9.2	Đô thị Bình Yên (xã Bình Yên)	-	-	-	-		V (ĐTM)

### 5. Một số định hướng, tầm nhìn đến năm 2050

Tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh Thái Nguyên thuộc nhóm trung bình cao của cả nước. Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng miền; có khả năng chống chịu, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và bảo vệ môi trường; kiến trúc đô thị tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh, có tính cạnh tranh cao trong phát triển kinh tế - xã hội. Cơ cấu kinh tế khu vực đô thị phát triển theo hướng hiện đại với các ngành kinh tế xanh, kinh tế số chiếm tỷ trọng lớn. Nông thôn có môi trường sống kết nối chặt chẽ, hài hòa với đô thị, văn minh, xanh - sạch - đẹp, giàu bản sắc văn hóa dân tộc với điều kiện sống, thu nhập dân cư nông thôn tiệm cận với đô thị.

Định hướng phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên đến năm 2050:

- Tiếp tục nâng cao điểm số các tiêu chí, tiêu chuẩn đã đạt để hướng tới nâng cấp, nâng loại 3 thành phố (*Thái Nguyên, Sông Công, Phổ Yên*).

- Tiếp tục xây dựng, phát triển hai thị xã Phú Bình và Đại Từ để nâng loại đô thị, định hướng thành lập thêm 02 thành phố giai đoạn đến năm 2050.

- Phân loại đô thị loại IV đối với thị trấn Đình Cả - huyện Võ Nhai.

- Đầu tư xây dựng, nâng cao điểm số các tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại V đã được đánh giá, phân loại ở giai đoạn 2030 để tiến tới thành lập thị trấn gồm: thị trấn Bình Yên - huyện Định Hóa, thị trấn Quang Sơn - huyện Đồng Hỷ.

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển đối với các xã, khu vực có động lực phát triển và tốc độ đô thị hóa nhanh theo quy hoạch vùng huyện để đánh giá, phân loại theo tiêu chí đô thị, tiến tới thành lập các thị trấn thuộc huyện.



## **6. Đơn vị hành chính đô thị dự kiến thành lập mới, mở rộng đô thị**

### **6.1. Về mở rộng đô thị theo Nghị quyết sắp xếp đơn vị hành chính**

#### *a) Giai đoạn trước 2025*

Các đơn vị hành chính đô thị được mở rộng sau sắp xếp theo Nghị quyết số 1240/NQ-UBTVQH15 ngày 24/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023 - 2025, gồm:

- Huyện Đồng Hỷ: Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 20,69 km<sup>2</sup>, quy mô dân số là 5.802 người của xã Tân Lợi vào thị trấn Trại Cau. Sau khi nhập, thị trấn Trại Cau có diện tích tự nhiên là 27,03 km<sup>2</sup> và quy mô dân số là 10.031 người.

- Huyện Phú Lương: Điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên là 14,90 km<sup>2</sup>, quy mô dân số là 6.042 người của xã Phấn Mễ để nhập vào thị trấn Giang Tiên. Sau khi điều chỉnh, thị trấn Giang Tiên có diện tích tự nhiên là 18,67 km<sup>2</sup> và quy mô dân số là 10.185 người. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,29 km<sup>2</sup>, quy mô dân số là 5.404 người của xã Phấn Mễ sau khi điều chỉnh vào thị trấn Đu. Sau khi nhập, thị trấn Đu có diện tích tự nhiên là 15,65 km<sup>2</sup> và quy mô dân số là 15.092 người.

- Huyện Định Hóa: Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,55 km<sup>2</sup>, quy mô dân số là 4.824 người của xã Bảo Cường vào thị trấn Chợ Chu. Sau khi nhập, thị trấn Chợ Chu có diện tích tự nhiên là 13,99 km<sup>2</sup> và quy mô dân số là 12.007 người.

Các đô thị mở rộng sau sắp xếp đảm bảo tiêu chí đô thị loại V.

#### *b) Giai đoạn đến 2025*

Thành phố Thái Nguyên dự kiến nhập một phần xã Phúc Hà vào phường Quan Triều, mở rộng địa giới hành chính phường Quan Triều; nhập phần còn lại của xã Phúc Hà vào xã Quyết Thắng để thành lập phường Quyết Thắng; thành lập phường Sơn Cẩm trên cơ sở diện tích, dân số của xã Sơn Cẩm.

### **6.2. Đơn vị hành chính đô thị dự kiến thành lập mới**

- Thị xã Phú Bình, thị xã Đại Từ: Dự kiến thành lập đơn vị hành chính thị xã giai đoạn đến 2030.

- Thị trấn La Hiên - huyện Võ Nhai: Dự kiến thành lập vào giai đoạn đến năm 2030.

- Thị trấn Bình Yên - huyện Định Hóa; thị trấn Quang Sơn - huyện Đồng Hỷ: Dự kiến thành lập vào giai đoạn sau năm 2030 (*tầm nhìn đến năm 2050*).

## **7. Kế hoạch trọng tâm phát triển bền vững đô thị**

Thực hiện các giải pháp, kế hoạch phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển đô thị tăng trưởng xanh, phát triển đô thị thông minh theo lộ trình tại các Đề án, Kế hoạch cấp Trung ương đã phê duyệt và các Kế hoạch, Đề án, Chương trình cụ thể của tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể gồm:

### **7.1. Phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu**

- Thực hiện các Kế hoạch về biến đổi khí hậu như: Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu đối với các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch triển khai thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Tiếp tục thực hiện phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025.

- Triển khai các dự án đầu tư chống ngập lụt, biến đổi khí hậu theo Quy hoạch tỉnh gồm: Xây dựng hệ thống công trình thoát lũ hạ du hồ Núi Cốc trên sông Công; xây dựng hoàn thiện hệ thống đê sông Cầu; xây dựng Tràn Thác Huông 2; nạo vét lòng sông Cầu đoạn qua thành phố Thái Nguyên; mở rộng cầu Gia Bầy.

- củng cố, nâng cấp, xây mới các tuyến đê và công trình trên đê hiện có.

- Bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025.

- Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên.

### **7.2. Phát triển đô thị tăng trưởng xanh**

- Thực hiện dự án tăng trưởng xanh sử dụng tài nguyên bền vững, hiệu quả nhằm giảm phát thải khí nhà kính, có đủ khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu và xây dựng đô thị xanh nhằm hướng tới tăng trưởng xanh, cải thiện chất lượng cuộc sống cũng như duy trì tính bền vững.

- Thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến bảo vệ và sử dụng hiệu quả nguồn nước, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng, tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng tự nhiên: Năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo; tiết kiệm nguồn tài nguyên; bảo tồn đa dạng sinh thái, thân thiện môi trường...

- Khuyến khích việc đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành các dự án đầu tư xây dựng theo tiêu chí, tiêu chuẩn công trình xanh, các dự án khu đô thị theo tiêu chí khu đô thị xanh.

### **7.3. Phát triển đô thị thông minh**

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về phát triển đô thị thông minh bền vững theo các quan điểm chỉ đạo tại Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018.

- Thống nhất nhận thức xuyên suốt việc phát triển đô thị thông minh là giải quyết các vấn đề lớn của đô thị, coi đô thị thông minh như một phương thức phát triển và vận hành đô thị hiện đại, hiệu quả và không phải là một tập hợp



rời rạc các ứng dụng công nghệ thông tin. Các vấn đề trong đô thị có quan hệ chặt chẽ với nhau, không thể giải quyết riêng rẽ các vấn đề giao thông, giáo dục, y tế, môi trường... Coi hạ tầng thông tin đô thị, hạ tầng số và đặc biệt là hạ tầng dữ liệu như một hạ tầng thiết yếu của đô thị, là nền tảng thông minh hóa các hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng kinh tế - xã hội khác.

- Các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển đô thị thông minh bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu phát triển dài hạn của đô thị với nhu cầu cấp thiết của người dân, đảm bảo hiệu quả đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

- Xây dựng kho dữ liệu dùng chung và nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu cấp tỉnh phục vụ cho cả chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh. Phấn đấu đến năm 2025 hoàn thiện, hợp nhất các dữ liệu về hạ tầng tại các đô thị để khai thác sử dụng trên nền tảng GIS.

- Tập trung phát triển đô thị thông minh tại 03 đô thị cấp tỉnh là thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công và thành phố Phổ Yên. Các địa phương tổ chức lập và phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh để áp dụng tại đô thị thuộc địa bàn quản lý.

## **8. Các chương trình, kế hoạch, dự án trọng tâm phát triển đô thị và nhu cầu vốn**

### **8.1. Đề xuất các Chương trình, kế hoạch, dự án ưu tiên**

Có Phụ lục chi tiết các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước kèm theo. Chi tiết các Chương trình, dự án ưu tiên tại Thuyết minh Chương trình.

### **8.2. Sơ bộ nhu cầu kinh phí và dự kiến nguồn vốn thực hiện các đề án, chương trình ưu tiên và các dự án phát triển đô thị**

- Kinh phí tổng thể dự kiến khoảng **139.426** tỷ đồng.

- Dự kiến kinh phí trong khung thời gian của chương trình cụ thể như sau:

+ Giai đoạn đến 2025: khoảng 4.751 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2026 - 2030: khoảng 134.675 tỷ đồng.

- Dự kiến phân bổ nguồn vốn cụ thể như sau:

+ Vốn ngân sách nhà nước: khoảng 58.729 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn khác: khoảng 80.697 tỷ đồng.

*Bảng Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư phát triển đô thị theo giai đoạn*

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

STT	Giai đoạn thực hiện	Sơ bộ kinh phí	Sơ bộ dự kiến nguồn vốn	
			Ngân sách nhà nước	Nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước
	<b>TỔNG</b>	<b>139.426</b>	<b>58.729</b>	<b>80.697</b>
I	Đến năm 2025	4.751	2.719	2.032
II	Đến năm 2030	134.675	56.010	78.665

## **9. Tổ chức thực hiện**

Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và UBND các phường, xã, thị trấn phối hợp thực hiện chương trình, giám sát các dự án đầu tư cụ thể trên địa bàn; thường xuyên đôn đốc việc thực hiện theo đúng lộ trình.

Phân công cụ thể:

### **9.1. Sở Xây dựng**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh sau khi được phê duyệt. Phối hợp với sở Kế hoạch và Đầu tư làm việc với các Bộ, ngành Trung ương lồng ghép Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên với các Chương trình nâng cấp, phát triển đô thị Quốc gia.

- Phối hợp, hướng dẫn các địa phương rà soát, điều chỉnh định kỳ hoặc lập mới quy hoạch chung, quy hoạch các khu chức năng đặc biệt là quy hoạch chung xây dựng của các đô thị hình thành mới trong tương lai.

- Chủ trì thẩm định, hướng dẫn các địa phương lập Chương trình phát triển đô thị cho các đô thị; hướng dẫn địa phương thực hiện lồng ghép Chương trình phát triển đô thị loại IV, loại V trong quá trình lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị.

- Phối hợp với UBND các huyện, Sở Nội vụ tham mưu trình tự, thủ tục thành lập đơn vị hành chính là các đô thị mới; thành lập thị xã. Phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố trong công tác lập, thẩm định chương trình, kế hoạch, Đề án nâng loại và phát triển các đô thị.

- Tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại đô thị hằng năm và hướng dẫn UBND cấp huyện lập đề án phân loại đô thị và công nhận loại đô thị. Kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình phát triển đô thị hằng năm để báo cáo Bộ Xây dựng và UBND tỉnh.

### **9.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Đầu mối giúp UBND tỉnh kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương, các cơ quan liên quan huy động và tổng hợp nguồn lực thực hiện mục tiêu Chương trình; phối hợp với các Sở, các chủ đầu tư tham mưu UBND tỉnh huy động các nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ mục tiêu của Trung ương, vốn hỗ trợ của các tổ chức tài chính quốc tế, vốn vay, vốn ODA; xem xét đề xuất triển khai đầu tư những dự án có điều kiện, cần thiết phải đầu tư theo các hình thức đối tác công tư PPP, xã hội hóa.

- Tham mưu UBND tỉnh tổng hợp kế hoạch kinh phí đầu tư phát triển hằng năm và các nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án đầu tư tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.



- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển đô thị; tổ chức vận động, khai thác, điều phối các nguồn lực trong và ngoài nước cho việc đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh theo sự phân công của UBND tỉnh.

### **9.3. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh tổng hợp kinh phí hằng năm từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước để đầu tư cho phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua dự toán chi hằng năm và hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

### **9.4. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ quan chức năng và các địa phương rà soát, đối chiếu, điều chỉnh, cập nhật số liệu đất đai các đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo lộ trình phát triển đô thị cho từng giai đoạn.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ quan chức năng và các địa phương nghiên cứu, tạo quỹ đất cho các dự án đầu tư phát triển đô thị trong khu vực phát triển đô thị.

### **9.5. Sở Nội vụ**

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn các địa phương lập đề án điều chỉnh, mở rộng địa giới hành chính hoặc thành lập đô thị mới, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

### **9.6. Các sở, ban, ngành có liên quan**

Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực của từng sở, ban, ngành quản lý; đồng thời tham gia huy động nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

### **9.7. Các huyện, thành phố**

- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung được xác định trong Chương trình này trên địa bàn mình quản lý. Đối với các đô thị chưa công nhận đô thị hoặc thành lập, sớm hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền xem xét.

- Rà soát để lập hoặc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị cho phù hợp với định hướng và lộ trình phát triển đô thị của tỉnh. Lập Chương trình phát triển đô thị, đề án nâng loại và nâng cấp đô thị thuộc địa bàn huyện, thành phố.

- Đề xuất các dự án trọng điểm đưa vào chương trình Nghị quyết của HĐND tỉnh hằng năm, làm cơ sở thực hiện kế hoạch nâng loại, nâng cấp đô thị trên địa bàn.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *[Signature]*

**Nơi nhận:**

- Bộ Xây dựng (b/c);
  - Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
  - Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
  - Đoàn ĐBQH tỉnh;
  - Ủy ban MTTQ tỉnh;
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - Như Điều 2;
  - LĐVP UBND tỉnh;
  - Trung tâm Thông tin tỉnh;
  - Lưu: VT, CNN&XD, TH.
- tuantt.qđ/t12 *[Signature]*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Quang Tiến**





Phụ lục

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN  
GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030 SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số *8489* /QĐ-UBND ngày *30* /12/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Dự án, công trình	Địa điểm xây dựng
<b>I</b>	<b>Các dự án hạ tầng kỹ thuật</b>	
1	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc (đã thực hiện giai đoạn 2021-2024, vốn còn lại 2025)	Thành phố Phổ Yên và huyện Đại Từ
2	Đường Vành đai 5	Đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang (đã thực hiện, phần còn lại hoàn thành trong 2025)
3	Đường Vành đai I	Đoạn Bờ Đậu, Phú Lương - Hóa Thượng và tuyến tránh đô thị Hóa Thượng
4	Tuyến Ba Hàng - Tiên Phong - Đê Sông Cầu (Thù Lâm): Đặt tên ĐT.261B	Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên đến phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên
5	Tuyến Quang Sơn - Phú Đô - Núi Phấn: Đặt tên ĐT.272	Xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ đến Núi Phấn, xã Phú Đô, huyện Phú Lương
6	Đường Cầu Mây - Tân Kim - Tân Thành: Đặt tên ĐT.266B	Cầu Mây, huyện Phú Bình đến xã Tân Thành, huyện Phú Bình
7	Đường Hương Sơn - Trại Cau: ĐT.269F	Phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên đến thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ
8	Đường TT.Hùng Sơn -X.Tiên Hội -X.Hoàng Nông: Đặt tên ĐT.263E	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ đến Xã Hoàng Nông, huyện Đại Từ
9	Đường nối Liên kết vùng - TT.Quân Chu - Tây Trúc: Đặt tên ĐT.261F	Xã Cát Nê, huyện Đại Từ đến thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ
10	Đường Hồ Núi Cốc	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ
11	Dự án trục ngang N4 (từ Quốc lộ 17 nối với đường Vành đai 5 Vùng Thủ đô Hà Nội)	Quốc lộ 17 nối với đường Vành đai 5 Vùng Thủ đô Hà Nội
12	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh ĐT.270 đoạn từ Km8+090-Km14+100 (ngã ba Cao Trắng vào khu du lịch Hồ Núi Cốc)	Ngã ba Cao Trắng vào khu du lịch Hồ Núi Cốc

<b>TT</b>	<b>Dự án, công trình</b>	<b>Địa điểm xây dựng</b>
13	Đường vành đai 1 đoạn Bồ Đậu, Phú Lương - Hóa Thượng, Đồng Hỷ	Bồ Đậu, Phú Lương - Hóa Thượng, Đồng Hỷ
14	Đường nối ĐT.265 đi Bắc Giang	Xã Bình Long, huyện Võ Nhai
15	Cầu An Long và đường kết nối tỉnh lộ ĐT.270 với tỉnh lộ ĐT.261 huyện Đại Từ	Huyện Đại Từ
16	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh ĐT 262	Thành phố Thái Nguyên
17	Cầu Quang Vinh 1, Quang Vinh 2 và hệ thống đường giao thông kết nối phường Đồng Bầm, phường Quang Vinh và xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên
18	Tuyến đường từ ngã ba Khuôn Ngàn đến khu di tích lịch sử ATK Định Hóa	Huyện Định Hóa
19	Đường Dốc Vông - trại giam Phú Sơn 4 - Vô Tranh	Huyện Phú Lương
20	Trục dọc phía Đông	Sáng Mộc - Vũ Chấn - Đình Cả - ĐT.265
21	Cầu Bến Oánh	Thành phố Thái Nguyên
22	Cầu Xuân Hòa	Thành phố Thái Nguyên
23	Đường nối ĐT 261-266 (đã bố trí giai đoạn 2021-2024: 93.38 tỷ)	Thành phố Phổ Yên và huyện Phú Bình
24	Đường kết nối tỉnh Thái Nguyên - Tuyên Quang	Xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ đến Huyện Đại Từ
25	Đoạn tuyến Trại Cau - Tân Thành	Thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ đến phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên
26	Tuyến đường kết nối Quốc lộ 37 và đường tỉnh ĐT269B, tỉnh Thái Nguyên	Huyện Phú Bình
27	Một số dự án năng lượng trọng điểm (đường dây, trạm biến áp):	
	+ Xây mới đường dây 500 kV Hiệp Hòa - Thái Nguyên	
	+ Xây mới đường dây 500 kV Thái Nguyên - Yên Thế	
	+ Xây mới đường dây 220 kV 500 kV Hiệp Hòa - Phú Bình 2	
	+ Xây mới đường dây 220 kV Phú Bình 2 - rẽ Thái Nguyên - Bắc Giang	
	+ Xây mới đường dây 220 kV 500 kV Thái Nguyên - Phú Bình	
	+ Xây mới Trạm 220kV Sông Công	



TT	Dự án, công trình	Địa điểm xây dựng
	+ Xây mới trạm 110KV Núi Cốc; Trạm 110KV Gia Sàng; Trạm 110KV Võ Nhai; Trạm 110KV Định Hóa; Trạm 110KV Trại Cau; Trạm 110KV Hương Sơn ...	
28	Xây dựng hệ thống thông tin các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	Các huyện, thành phố
29	Dự án phát triển thông tin cơ sở giai đoạn 2021 - 2025	Các huyện, thành phố
30	Xây dựng nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phía bắc huyện Võ Nhai	Huyện Võ Nhai
31	Xây dựng nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phía Nam huyện Võ Nhai	Huyện Võ Nhai
32	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải công suất 1.000 m3/ngày	
33	Nghĩa trang Đại Từ	Huyện Đại Từ
34	Nghĩa trang Phú Bình	Huyện Phú Bình
35	Nhà tang lễ thành phố Sông Công	Thành phố Sông Công
36	Nhà tang lễ thành phố Phổ Yên	Thành phố Phổ Yên
37	Nhà tang lễ thị xã Đại Từ (Huyện Đại Từ)	Huyện Đại Từ
38	Nhà tang lễ thị xã Phú Bình (Huyện Phú Bình)	Huyện Phú Bình
<b>II</b>	<b>Các dự án hạ tầng xã hội</b>	
1	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các cơ sở y tế công lập	Các huyện thành phố
2	Bệnh viện chuyên khoa tư nhân điều dưỡng và phục hồi chức năng	Thành phố Thái Nguyên
3	Bệnh viện đa khoa tại xã Thượng Đình	Huyện Phú Bình
4	Xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải tại một số đơn vị trực thuộc Sở Y tế	Các huyện thành phố
5	Dự án đầu tư xây dựng mới trung tâm y tế huyện Đồng Hỷ	Huyện Đồng Hỷ
6	Trường THPT Đồng Hỷ	Huyện Đồng Hỷ
7	Trường THPT Sông Công 2	Thành phố Sông Công
8	Trường học liên cấp tại xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên
9	Trường liên cấp tại phường Tân Lập	Phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên
10	Trường học liên cấp tại xã Thượng Đình và xã Nga My, huyện Phú Bình	Xã Thượng Đình, huyện Phú Bình

<b>TT</b>	<b>Dự án, công trình</b>	<b>Địa điểm xây dựng</b>
11	Trường Chính trị tỉnh	Thành phố Thái Nguyên
12	Xây dựng Sân vận động huyện Đại Từ (giai đoạn 1)	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ
13	Xây dựng trung tâm thể dục thể thao và trường Phổ thông năng khiếu thể dục thể thao	
14	Xây dựng Bảo tàng tỉnh Thái Nguyên	
15	Chợ đầu mối Điềm Thụy	Huyện Phú Bình
16	Chợ đầu mối Linh Sơn	Thành phố Thái Nguyên
17	Chợ vùng Việt Bắc và Trung tâm hội chợ triển lãm	Thành phố Thái Nguyên
18	Trường Trung học phổ thông Tứ Tranh, huyện Phú Lương	Huyện Phú Lương
19	Xây dựng, hoàn thiện Sân vận động tỉnh Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên
20	Chỉnh trang, nâng cấp đô thị thành phố Thái Nguyên (gồm các dự án về : chống ngập úng đô thị, hạ ngầm, công viên - cây xanh thành phố Thái Nguyên ...)	Thành phố Thái Nguyên
<b>III</b>	<b>Dự án, chương trình lĩnh vực nông nghiệp</b>	
1	Cải tạo, nâng cấp các hồ đập trên địa bàn tỉnh	Các huyện Phú Bình; Phú Lương; Định Hóa; Đại Từ; Võ Nhai; Đông Hỷ; thành phố Phổ Yên; thành phố Sông Công
2	Dự án Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Thác Huống, tỉnh Bắc Giang - Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên
3	Dự án thành phần: Xây dựng kè sông Công đoạn qua thị trấn Hùng Sơn, kè suối Điệp, huyện Đại Từ thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh Miền núi phía Bắc	Huyện Đại Từ
4	Dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước Hồ Núi Cốc: Sửa chữa đập chính, đập phụ, tràn xả lũ; cầu Đá Mài, kè chống sạt lở hai bên bờ sông Công, nạo vét cục bộ lòng dẫn sông Công hạ du hồ Núi Cốc	Thành phố: Thái Nguyên, Phổ Yên, Sông Công
5	Dự án thành phần số 1: Tu bổ xung yếu hệ thống đê điều tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025	Thành phố Phổ Yên
6	Dự án cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	Các xã trên địa bàn tỉnh



<b>TT</b>	<b>Dự án, công trình</b>	<b>Địa điểm xây dựng</b>
7	Xây dựng các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	Huyện Định Hóa, Huyện Đại Từ
8	Xây dựng các tuyến đê Hữu Cầu, Tả cầu; Tả, Hữu Mo Linh và đê bao Kim Sơn	Thành phố Thái Nguyên và thành phố Phổ Yên
9	Xây dựng Trần Thác Huống 2	Thành phố Thái Nguyên
10	Nạo vét lòng sông Cầu đoạn qua thành phố Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên
11	Xây dựng tuyến đê hữu sông Cầu đoạn qua thành phố Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên
12	Xây dựng hoàn thiện hệ thống chống lũ lụt trên sông Cầu	Thành phố Thái Nguyên
13	Số hóa hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	Thành phố: Phổ Yên và Thái Nguyên
<b>IV</b>	<b>Thủy lợi - Nông thôn mới</b>	
1	Xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn 03 thành phố và 06 huyện	
<b>V</b>	<b>Dự án phát triển bền vững đô thị</b>	
1	Xây dựng hệ thống công trình thoát lũ hạ du hồ Núi Cốc trên sông Công (cầu Đá Mài, kè Sông Công, khơi thông dòng chảy Sông Công)	Thành phố Phổ Yên, thành phố Sông Công, thành phố Thái Nguyên
2	Kè chống sạt lở bờ sông Cầu	Thành phố Thái Nguyên
3	Đầu tư nâng cấp Kênh tiếp nước sông Cầu	Thành phố Thái Nguyên
4	Mở rộng cầu Gia Bảy	Thành phố Thái Nguyên
5	Củng cố, nâng cấp, xây mới các tuyến đê và công trình trên đê hiện có	Thành phố Thái Nguyên, huyện Phú Bình, thành phố Phổ Yên
6	Bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	
7	Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030	
8	Hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường không khí tại các đô thị trên địa bàn tỉnh	
9	Các dự án đầu tư xây dựng theo tiêu chí, tiêu chuẩn công trình xanh, các khu đô thị theo tiêu chí khu đô thị xanh	

TT	Dự án, công trình	Địa điểm xây dựng
10	Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên	
11	Xây dựng nền tảng Dữ liệu số tỉnh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên
13	Dự án về chuyển đổi số của tỉnh	
14	Triển khai chuyển đổi số tại các lĩnh vực ưu tiên: Y tế, giáo dục, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải, logistics, tài nguyên, môi trường, sản xuất công nghiệp, du lịch	
15	Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số xây dựng cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện	
16	Số hóa hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	
17	Xây dựng công nghệ thông tin du lịch thông minh giai đoạn 2021 - 2025	
18	Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	
19	Nhiệm vụ "Ứng dụng Nền tảng bản đồ số và Hệ thống GIS dùng chung phục vụ chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên"	
20	Quy hoạch ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và điện tử trên địa bàn tỉnh thái nguyên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	
21	Xây dựng hệ thống quản lý cây xanh thông minh trên bản đồ số	
22	Xây dựng, đưa vào sử dụng website OCOP Thái Nguyên	
23	Các đề án phát triển đô thị thông minh tại 03 thành phố Thái Nguyên, Sông Công và Phổ Yên	
24	Dự án tái thiết đô thị tại thành phố Thái Nguyên và thành phố Phổ Yên	
<b>VI</b>	<b>QUY HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN</b>	
1	Lập quy hoạch chung các đô thị dự kiến thành lập trong tương lai: Đại Từ, Phú Bình, Quang Sơn, La Hiên, Bình Yên	
2	Lập Quy hoạch chung các thị trấn chưa có Quy hoạch chung (thị trấn Sông Cầu)	



TT	Dự án, công trình	Địa điểm xây dựng
3	Lập, điều chỉnh tổng thể hồ sơ Quy hoạch chung đô thị đã hết hạn hoặc không còn phù hợp: Quy hoạch chung thành phố Thái Nguyên, Quy hoạch chung thành phố Phổ Yên, Quy hoạch chung thành phố Sông Công, Quy hoạch chung thị trấn Đu, Quy hoạch chung thị trấn Giang Tiên ...	
4	Lập quy hoạch phân khu khu vực các xã, thị trấn dự kiến thành lập phường của thị xã, thành phố, đô thị: Đại Từ, Phú Bình	
5	Rà soát lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch chi tiết có liên quan, đặc biệt là khu vực xã, thị trấn dự kiến thành lập phường	
6	Lập Chương trình phát triển đô thị cho các đô thị: Thành phố Thái Nguyên, đô thị Đại Từ, đô thị Phú Bình, Thị trấn Chợ Chu (mở rộng), Thị trấn Đu (mở rộng), Thị trấn Giang Tiên (mở rộng) ...	
7	Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị thành phố Phổ Yên, thành phố Sông Công	
8	Quy chế quản lý kiến trúc cho các đô thị	
9	Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030	
10	Đề án đề nghị công nhận thành phố Phổ Yên là đô thị loại II	
11	Đề án đề nghị công nhận các thị trấn: Hóa Thượng - huyện Đông Hỷ, Đu - huyện Phú Lương, Chợ Chu mở rộng - huyện Định Hóa là đô thị loại IV	
12	Đề án đề nghị công nhận đô thị loại V: các đô thị mở rộng sau sắp xếp thị trấn Đu, thị trấn Giang Tiên - huyện Phú Lương; thị trấn Chợ Chu huyện Định Hóa, thị trấn Trại Cau - Huyện Đông Hỷ	
13	Đề án đề nghị công nhận các huyện (1) Đại Từ, (2) Phú Bình đạt tiêu chí đô thị loại IV	
14	Đề án đề nghị công nhận đô thị loại V (các đô thị mới): Quang Sơn huyện Đông Hỷ, La Hiên - huyện Võ Nhai, Bình Yên - huyện Định Hóa;	
15	Đề án thành lập đơn vị hành chính: phường, thị trấn, thị xã	

TT	Dự án, công trình	Địa điểm xây dựng
16	Đề án phát triển hệ thống cây xanh đô thị	
17	Đề án đặt tên đường phố	
18	Đề án công nhận tuyến phố văn minh đô thị tại các đô thị	